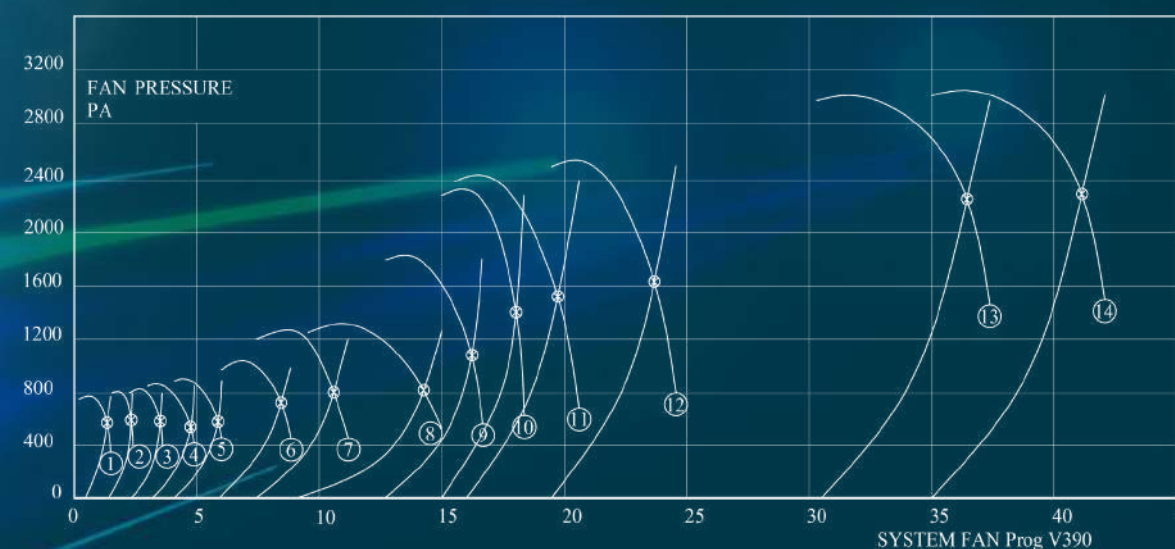
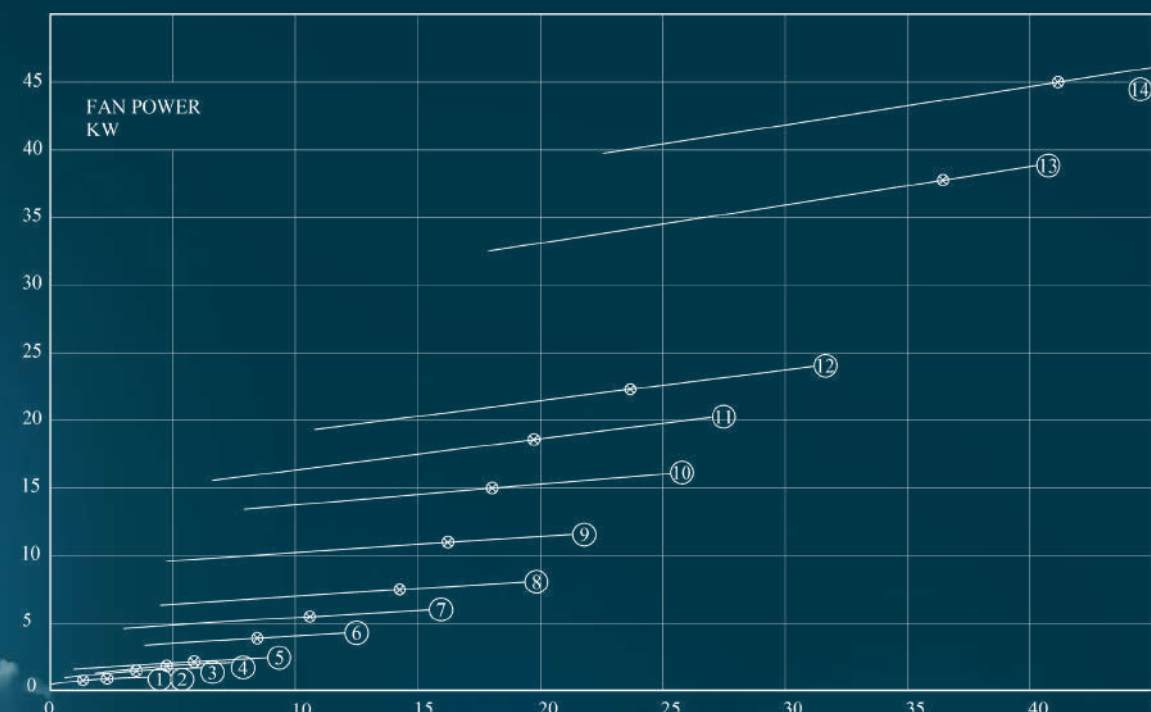




Volume Flow M3/h x 1000

* Liên hệ tới System Fan để nhận đường đặc tính cụ thể cho từng mã quạt System Fan.

SỬ DỤNG

Hút khói, cấp khí trong tòa nhà, hút bếp, hút bụi...

ĐẶC ĐIỂM SẢN PHẨM

- ✦ Cánh quạt được lắp trực tiếp vào trục động cơ.
- ✦ Quạt có thể lắp các loại động cơ thông thường hoặc động cơ chống cháy, chịu nhiệt từ 200°C đến 400°C trong 2h của POWER, ENERTECH, TOÀN PHÁT, ABB, SIEMENS,...
- ✦ Lưu lượng ổn định, áp suất trung bình, hiệu suất cao, độ ồn thấp.
- ✦ Khả năng tháo rời và lắp ráp một cách dễ dàng thuận tiện cho việc vận chuyển, tháo lắp.
- ✦ Vật liệu chế tạo: Thép, Inox.

BẢNG ĐỘ ỒN

MODEL SCD-DNo	2,8	3,2	3,8	4		4,5	5	5,5	6,3		7	8	10
	0,75	0,75	1,5	2,2	3	4	5,5	7,5	11	15	22	30	45
Inlet SPL dBA (Near Field)	76	77	87	79	80	79	82	83	85	85	88	89	92
Outlet SPL dBA (Near Field)	77	78	88	80	81	80	83	85	86	86	89	90	93
Cassing SPL dBA (3m)	69	69	70	72	72	73	75	77	78	79	82	83	85

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

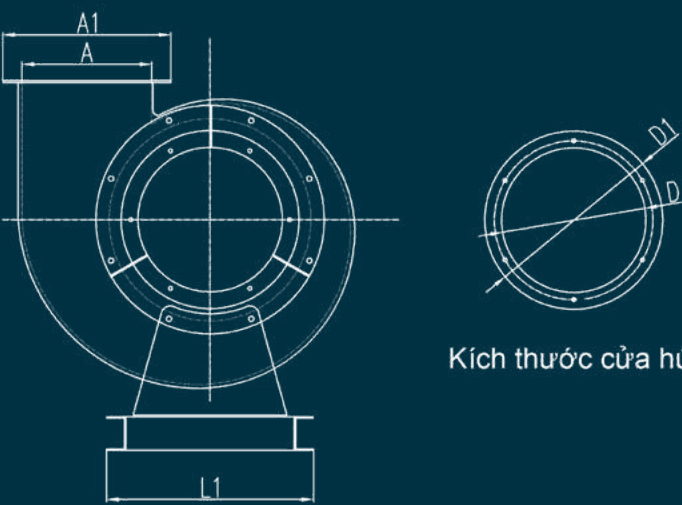
STT	MODEL	Công suất	Tốc độ	Điện áp	Lưu lượng	Áp suất	Trọng lượng
		(kW)	(Pole)	(V)	(m³/h)	(Pa)	(Kg)
1	SCD-D2,8	0,75	4P	380	1000-1500	350-750	40
2	SCD-D3,2	0,75	4P	380	1500-2000	400-800	47
3	SCD-D3,8	1,5	4P	380	2000-3500	400-800	66
4	SCD-D4	2,2	4P	380	4000-6000	450-900	80
		3	4P	380	6000-8000	450-950	86
5	SCD-D4,5	4	4P	380	7500-11500	450-1000	113
6	SCD-D5	5,5	4P	380	9000-15000	450-1200	160
7	SCD-D5,5	7,5	4P	380	13000-16000	500-1250	170
8	SCD-D6,3	11	4P	380	15000-18000	550-1800	268
		15	4P	380	17000-20000	650-2300	302
9	SCD-D7	22	4P	380	18000-23000	800-2500	405
10	SCD-D8	30	4P	380	24000-30000	1000-3000	520
11	SCD-D10	45	4P	380	35000-42000	1500-3000	825

KÍCH THƯỚC

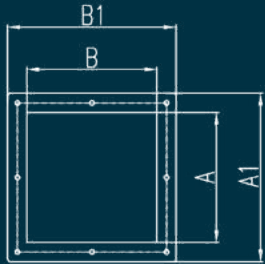
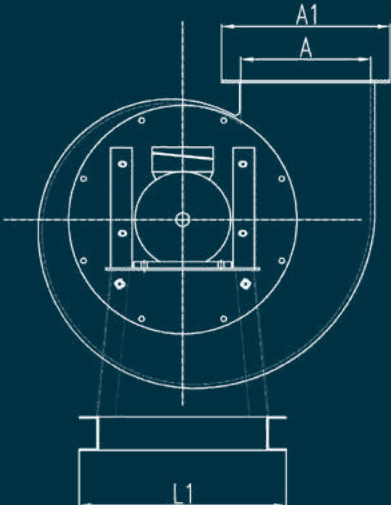
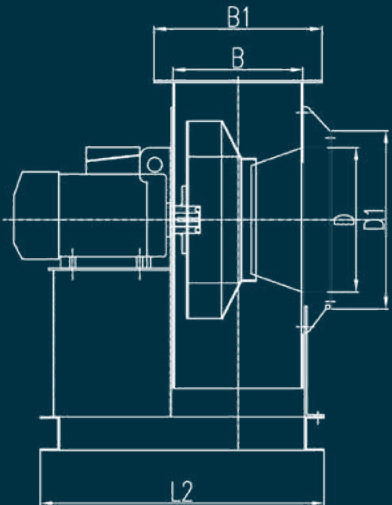
*Bản vẽ có thể đã được cải tiến, Liên hệ System Fan để lấy bản vẽ và kích thước chính xác nhất

Model	A	A1	B	B1	D	D1	L1	L2
2,8	190	250	190	250	180	240	350	460
3,2	220	300	220	300	210	290	400	520
3,8	260	340	240	320	210	290	400	540
4	270	350	270	350	300	370	430	590
	270	350	270	350	300	370	430	590
4,5	300	380	270	350	300	370	500	610
5	350	430	320	400	350	420	500	720
5,5	350	430	370	400	350	420	500	720
6,3	440	540	370	470	400	470	600	860
	440	540	370	470	400	470	600	860
7	485	585	463	560	450	520	750	1050
8	600	700	500	600	500	595	870	1130
10	700	820	600	720	800	900	920	1400

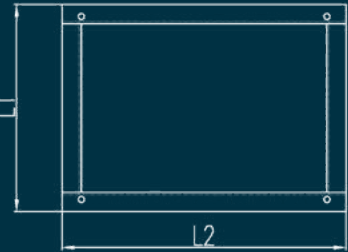
BẢN VẼ KỸ THUẬT



Kích thước cửa hút



Kích thước cửa thổi



CHIỀU QUAY HƯỚNG GIÓ

